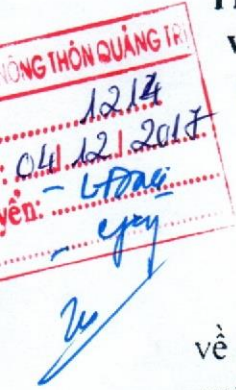


Số: 6053 /CTHD-UBND

Quảng Trị, ngày 30 tháng 11 năm 2017

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA UBND TỈNH

Thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/4/2017 của Tỉnh ủy Quảng Trị về đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp gắn với thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến 2025



Thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/4/2017 của Tỉnh ủy Quảng Trị về đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/4/2017 của Tỉnh ủy Quảng Trị (sau đây gọi là Nghị quyết số 04-NQ/TU) với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 04-NQ/TU của Tỉnh ủy Quảng Trị về đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2025; đảm bảo để Nghị quyết số 04-NQ/TU được triển khai và tổ chức thực hiện có hiệu quả.

2. Xác định rõ các đề án, quy hoạch, cơ chế, chính sách; phân công nhiệm vụ cụ thể, thời gian hoàn thành cho các cấp, các ngành, đơn vị có liên quan; làm cơ sở để đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU.

II. QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG

Cơ cấu lại nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới là 2 nội dung có mối quan hệ biện chứng, cần được thực hiện đồng thời trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn. Cơ cấu lại nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới là chuyển từ sản xuất nông nghiệp lấy số lượng làm mục tiêu sang sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng; chuyển từ sản xuất theo hộ gia đình riêng lẻ sang mô hình sản xuất hợp tác, liên kết, tập trung gắn với chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ, hướng tới nền nông nghiệp sạch, công nghệ cao, thân thiện với môi trường, góp phần tạo việc làm và chuyển đổi cơ cấu lao động nông nghiệp, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn.

Cơ cấu lại nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới phải phù hợp với điều kiện thực tế, phát huy lợi thế, tiềm năng của tỉnh, đặt trong tổng thể cơ cấu lại các ngành kinh tế của tỉnh gắn với cơ cấu lại nông nghiệp vùng Bắc Trung bộ, Duyên hải miền Trung và cả nước.

Thực hiện cơ cấu lại nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở; trước hết phải khơi dậy tinh thần tự chủ, tự lực, tự cường, sáng tạo của nông dân và sự vào cuộc, đồng hành của cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh.

III. MỤC TIÊU

I. Mục tiêu tổng quát

Cơ cấu lại nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới nhằm phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường; nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền nông nghiệp. Xây dựng nông thôn mới văn minh, hiện đại, an ninh chính trị ổn định, đời sống vật chất và tinh thần cho người dân nông thôn ngày càng được nâng cao; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông thôn ngày càng đồng bộ; cơ cấu kinh tế nông thôn và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý; gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với phát triển đô thị.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2017 - 2020: 3,5 - 4,0%/năm. Cơ cấu nông nghiệp chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng giá trị sản phẩm ngành chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp giảm dần tỷ trọng giá trị sản phẩm ngành trồng trọt trong tổng giá trị sản phẩm của ngành nông nghiệp.

- Sản lượng lương thực ổn định trên 25 vạn tấn/năm.

- Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng các loại đến năm 2020 đạt 54.000 tấn.

- Sản lượng khai thác, nuôi trồng thủy sản đến năm 2020 đạt 38.000 tấn (nuôi trồng 13.000 tấn), năm 2025 đạt 42.000 tấn (trong đó, nuôi trồng 15.000 tấn).

- Phân đầu giữ ổn định độ che phủ rừng 50% từ năm 2020 trở đi.

- Đến năm 2020, đảm bảo cấp nước tưới cho 85 - 90% diện tích đất trồng lúa với tần suất trên 85%, tạo nguồn cấp nước cho nuôi trồng thủy sản, công nghiệp. Đảm bảo tiêu thoát nước ở các sông chính và vùng nội đồng, chủ động phòng chống và giảm nhẹ thiên tai.

- Đến cuối năm 2020, có trên 50 hợp tác xã (HTX) nông nghiệp kiểu mới, 70% tổng số tổ hợp tác (THT) nông nghiệp được đăng ký chứng thực với chính quyền.

- Đến năm 2020, có 50 - 55% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, có ít nhất 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới, không còn huyện chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới, không còn xã đồng bằng đạt dưới 16 tiêu chí, không còn xã miền núi đạt dưới 08 tiêu chí.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết số 04-NQ/TU

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết của Tỉnh ủy về cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới đến các cơ quan, đơn vị, địa phương, cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Cụ thể hóa chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về cơ cấu lại nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương; thực hiện có hiệu quả chủ trương xã hội hoá trong xây dựng nông thôn mới; nâng cao ý thức trách nhiệm của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về quản lý, tổ chức sản xuất, xây dựng nông thôn mới... tạo sự đồng thuận, quyết tâm cao trong tổ chức thực hiện.

b) Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, thống nhất nhận thức và quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/4/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Trị về đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2025.

Nội dung tuyên truyền phổ biến, quán triệt phải cụ thể, thiết thực, có trọng tâm, ngắn gọn, dễ hiểu; việc tuyên truyền, phổ biến đối với nông dân phải phù hợp với từng đối tượng, đặc điểm vùng, miền, ngôn ngữ, phong tục tập quán.

2. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về nông nghiệp

a) Rà soát, bổ sung, điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2020; rà soát, hoàn thiện quy hoạch phát triển từng cây trồng, vật nuôi chủ lực, vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa trên phạm vi toàn tỉnh và từng địa phương đến năm 2020, tầm nhìn 2025. Rà soát, bổ sung quy hoạch phát triển thủy lợi. Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã phù hợp quy định mới về tiêu chí nông thôn mới.

b) Các địa phương trên cơ sở quy hoạch tổng thể ngành nông nghiệp và quy hoạch sản phẩm nông nghiệp của tỉnh, rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội của huyện, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, điều chỉnh quy hoạch xã nông thôn mới.

c) Tập trung quản lý chặt chẽ quy hoạch, trong đó tăng cường trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong việc xây dựng, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, đảm bảo phát huy lợi thế so sánh của các vùng, gắn sản xuất, chế biến với thị trường tiêu thụ, đảm bảo hình thành cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành nông nghiệp. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt. Tăng cường chức năng quản lý nhà nước về nông nghiệp. Rà soát sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp của

ngành nông nghiệp theo hướng cổ phần hóa, giao quyền tự chủ về tài chính, tổ chức, biên chế và hoạt động.

3. Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn

Rà soát, bổ sung xây dựng hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách hỗ trợ nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn:

- Ban hành chính sách phù hợp để khuyến khích tích tụ, tập trung ruộng đất, thu hút mạnh các nguồn lực đầu tư phát triển nông nghiệp; từng bước hình thành các tổ hợp nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ.

- Ban hành chính sách phù hợp để khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp: Tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất gắn với chế biến, kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị. Xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích mạng lưới thương lái phát triển làm đầu mối thu mua, tiêu thụ nông sản cho nông dân; đẩy mạnh thu hút đầu tư, nhất là kêu gọi các doanh nghiệp tham gia đầu tư vào sản xuất, liên kết theo chuỗi giá trị theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; tăng cường liên doanh, liên kết giữa các nhà máy chế biến với các vùng nguyên liệu, thực hiện tốt chương trình liên kết 4 nhà theo Quyết định 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính Phủ.

- Ban hành chính sách phù hợp để khuyến khích các tổ chức, cá nhân nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học - công nghệ và các quy trình sản xuất tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp: Rà soát, bổ sung, chính sách ưu tiên thỏa đáng cho việc đưa giống, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới, nhất là giống mới, công nghệ cao tạo bước đột phá cho phát triển 6 loại cây trồng để tạo ra sản phẩm chủ lực, có lợi thế cạnh tranh (Theo Nghị quyết 03/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017: Lúa chất lượng cao, cà phê chè, hồ tiêu, cao su, cây ăn quả đặc sản và cây dược liệu, gỗ nguyên liệu).

- Tổ chức nghiên cứu thực trạng, những khó khăn, hạn chế trong hoạt động của các HTX trong lĩnh vực nông nghiệp, từ đó có chính sách, biện pháp tháo gỡ, nâng cao hiệu quả hoạt động và vai trò “bà đỡ” của HTX trong phát triển kinh tế hộ và xây dựng nông thôn mới. Xây dựng các chính sách khuyến khích, hỗ trợ hộ sản xuất, kinh doanh cá thể phát triển thành hợp tác xã, doanh nghiệp.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương và địa phương đã ban hành về nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn.

- Tiếp tục khuyến khích tích tụ ruộng đất theo quy định của pháp luật; bằng các hình thức chuyển đổi, góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật; thông qua hợp tác xã, tổ hợp tác để các hộ nông dân cùng góp đất để sản xuất. hoặc hộ nông dân không góp đất thống nhất về định hướng thị trường,

đầu ra, phương thức canh tác; thông qua các công ty, doanh nghiệp nông nghiệp để các hộ nông dân góp vốn bằng quyền sử dụng đất, doanh nghiệp thuê lại đất của nông dân và liên kết sản xuất theo mô hình cánh đồng lớn.

4. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ

- Tăng cường chuyển giao, ứng dụng công nghệ, nhất là công nghệ mới, công nghệ giống, công nghệ sinh học, công nghệ tưới tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp, chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản. Khuyến khích và tạo điều kiện cho doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ nhất là trong chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản. Thực hiện cơ chế đối ứng hợp tác công - tư, hỗ trợ doanh nghiệp trong đầu tư đổi mới công nghệ. Tăng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ phục vụ nông nghiệp.

- Hỗ trợ Trường Trung học Nông nghiệp Quảng Trị. Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân (Hội nông dân tỉnh) đầu tư một số mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp nhà kính để nghiên cứu triển khai nhân rộng.

5. Cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững

a) Cơ cấu lại ngành trồng trọt

- Tổ chức lại sản xuất theo hướng tập trung, tạo ra những sản phẩm chủ lực có khối lượng lớn, liên kết sản phẩm theo vùng, thúc đẩy liên kết trong sản xuất, xây dựng thương hiệu sản phẩm gắn với thương hiệu doanh nghiệp: Tiếp tục thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa, hình thành các vùng chuyên canh, sản xuất hàng hóa tập trung. Xây dựng và thí điểm các mô hình liên kết sản xuất trong nông nghiệp, mô hình hợp tác công tư, hợp tác 4 nhà, 5 nhà "Nhà Nông – Nhà Doanh nghiệp – Nhà Nước – Nhà Khoa học – Nhà Bán". Thông qua thực tiễn để tham mưu các cơ chế chính sách nhằm hỗ trợ, thúc đẩy có hiệu quả liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ. Phát triển các hợp tác xã chuyên ngành hoạt động theo chuỗi giá trị từ cung cấp dịch vụ đầu vào đến chế biến, phát triển thị trường; khuyến khích các hình thức liên kết, nhất là giữa doanh nghiệp và nông dân.

- Chuyển đổi một số diện tích đất trồng lúa, trồng màu,... hiệu quả thấp sang trồng cây khác hoặc chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản hiệu quả cao hơn. Triển khai có hiệu quả Kế hoạch chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng ngô; chuyển đổi các mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ, sạch, an toàn.

- Phát triển các cây trồng chủ lực của từng địa phương, gắn với khai thác lợi thế so sánh và điều kiện sinh thái. Đến năm 2020, ổn định diện tích trồng lúa 45.500 ha/năm, với 34.500 ha lúa đặc sản, lúa chất lượng cao, đảm bảo trên 90% diện tích được sử dụng giống xác nhận, giống ngắn ngày; diện tích trồng ngô 6.000 ha. phát triển cả ngô lầy hạt. ngô tiêu thụ quả tươi và ngô sinh khối làm

thức ăn gia súc; ổn định diện tích trồng lạc 6.000 ha, năng suất bình quân đạt 22-25 tạ/ha; nghiên cứu phát triển vùng trồng Dứa nguyên liệu gắn với xây dựng nhà máy chế biến; phát triển vùng sản xuất rau, hoa chuyên canh ven đô, khu vực Khe Sanh - Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa. Chú trọng nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả, nhất là tại vùng cát ven biển. Ổn định diện tích sản nguyên liệu 12.000 ha, tập trung thâm canh, canh tác bền vững, thử nghiệm và đưa vào sản xuất các giống mới có năng suất, hàm lượng tinh bột cao, phù hợp với điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng của địa phương; ổn định diện tích hồ tiêu đạt 2.500 - 2.700 ha, đưa năng suất hồ tiêu đạt 1,5 - 2 tấn/ha; ổn định diện tích cây cà phê 5.300 - 5.500 ha, thực hiện tái canh diện tích cà phê già cỗi; ổn định diện tích cao su 21.000 - 22.000 ha.

- Xác định giống là khâu đột phá để phục vụ tái cơ cấu sản xuất trồng trọt. Đẩy mạnh công tác tìm chọn, khảo nghiệm nhanh các giống cây trồng mới để đưa vào sản xuất đại trà. Đối với giống lúa tập trung vào bộ giống ngắn ngày, cực ngắn, chất lượng cao, kháng sâu bệnh. Đối với giống ngô, lạc tập trung vào bộ giống chịu hạn, kháng sâu bệnh, năng suất và chất lượng. Tiến hành khảo nghiệm, tìm kiếm các giống cà phê chè mới phù hợp để thay thế dần giống cà phê chè Catimor đã thoái hóa. Bình tuyển, chọn tạo cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng các loại cây công nghiệp chủ lực, cây ăn quả đặc sản để cung cấp vật liệu nhân giống cho sản xuất cây ăn quả, cây công nghiệp dài ngày trên địa bàn.

- Xây dựng và chuyển giao nhanh các mô hình ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong canh tác, thu hoạch, bảo quản chế biến các loại cây trồng, trong đó ưu tiên các mô hình tưới thông minh, tiết kiệm cho cây trồng cạn, cây công nghiệp dài ngày, sản xuất thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu, áp dụng biện pháp kỹ thuật tổng hợp để phòng trừ sâu bệnh hiệu quả, áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt (GAP), quy trình canh tác hữu cơ, canh tác có chứng nhận... để nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm nông nghiệp, làm cơ sở cho xây dựng vùng an toàn dịch hại, chỉ dẫn địa lý, thương hiệu nông sản phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu.

- Nâng cao tỷ lệ cơ giới hóa các khâu gắn với việc tích tụ, tập trung ruộng đất, sản xuất quy mô lớn. Xây dựng chính sách hỗ trợ nhằm thúc đẩy quá trình áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là các khâu gieo trồng, thu hoạch, chế biến. Tiếp tục chỉ đạo dồn điền đổi thửa, khuyến khích nông dân có đất nhưng không có khả năng sản xuất cho thuê, góp cổ phần bằng quyền sử dụng đất, tạo điều kiện áp dụng cơ giới hóa, tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất; xóa bỏ tình trạng bỏ ruộng, trà ruộng.

- Đổi mới công tác bảo vệ thực vật, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật; Tập trung vào công tác dự báo và nắm bắt tình hình dịch hại ở cơ sở đặc biệt là tình hình dịch bệnh trên các vùng chuyển đổi,

bệnh; sử dụng giống kháng bệnh và các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp làm giải pháp quản lý chủ đạo trong chỉ đạo sản xuất. Tổ chức dịch vụ về công tác BVTV tại cơ sở để hướng đến chuyên nghiệp hóa khâu bảo vệ cây trồng là giải pháp quan trọng nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm sử dụng thuốc BVTV trên đồng ruộng, thiết thực bảo vệ môi trường và đảm bảo về an toàn thực phẩm trên nông sản. Tăng cường công tác quản lý sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất, chế biến, bảo quản các loại nông sản.

- Tập trung thực hiện có hiệu quả công tác quản lý, kiểm tra, kiểm soát chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm nông sản, quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, chỉ đạo xây dựng các mô hình kiểm soát, quản lý chất lượng nông sản theo chuỗi. Tập trung công tác giám sát, kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các cây trồng chủ lực như: rau quả, lúa, cà phê, hồ tiêu, lạc, ngô.

b) Cơ cấu lại ngành chăn nuôi

- Tập trung phát triển mạnh các vật nuôi chủ lực, có điều kiện và khả năng phát triển, phù hợp với tập quán chăn nuôi của người dân như bò thịt, lợn, gia cầm... trong đó đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng giống và làm tốt dịch vụ thú y đồng thời, tổ chức sản xuất chăn nuôi theo chuỗi liên kết sản phẩm từ khâu sản xuất đến thị trường. Khuyến khích, hỗ trợ các trang trại chăn nuôi tập trung, quy mô lớn, các cơ sở chăn nuôi lợn nái ngoại cấp ông bà, bố mẹ, nâng tỷ lệ lợn nái ngoại thuần đạt 30% tổng đàn nái, lợn nái lai đạt 55% tổng đàn nái vào năm 2020. Bảo tồn và phát triển các giống lợn nội, lợn bản địa phù hợp nhu cầu, thị hiếu của thị trường, phù hợp chăn nuôi quy mô nông hộ. Đẩy mạnh công tác thụ tinh nhân tạo, nâng cao tỷ lệ Brahman hóa đàn bò. Phấn đấu đến năm 2020, mỗi huyện (trừ huyện đảo Côn Cò) có ít nhất một trang trại chăn nuôi bò thịt, bò sinh sản quy mô trên 100 con, làm đầu mối cung cấp giống, thức ăn chăn nuôi, tiêu thụ sản phẩm cho chăn nuôi nông hộ.

- Tổ chức lại chăn nuôi nông hộ theo hướng lựa chọn con giống phù hợp tập quán chăn nuôi, tận dụng nguồn thức ăn tại chỗ và đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường. Mở rộng chăn nuôi theo hình thức tự nhiên, không sử dụng thức ăn có chất tăng trọng, sản xuất sản phẩm sạch, sử dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi. Mỗi địa phương lựa chọn các vật nuôi phù hợp tập quán chăn nuôi của người dân, ít ô nhiễm môi trường, sử dụng nguồn thức ăn tại chỗ (như bò, dê, hươu...) để phát triển chăn nuôi nông hộ, tạo việc làm tại chỗ.

c) Cơ cấu lại ngành thủy sản

- Tập trung phát triển đối tượng nuôi chủ lực, nuôi an toàn sinh học, bảo vệ môi trường và áp dụng VietGAP trong quản lý nuôi trồng thủy sản. Duy trì vùng nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng trên ao đất vùng ven sông hiện có. Phát triển vùng nuôi tôm thâm canh tôm thẻ chân trắng trên cát ở các xã bãi ngang ven biển phù hợp với quy hoạch, đảm bảo bền vững, hiệu quả. Phát triển nuôi cá nước

ngọt ở cả ba vùng đồng bằng, trung du miền núi và vùng cát ven biển, phát triển cả nuôi cá giống và cá thịt để cung cấp theo nhu cầu thị trường. Phấn đấu đến năm 2020, tổng diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 4.000 ha, trong đó nuôi mặn lợ 1.600 ha, có từ 2 đến 3 mô hình nuôi tôm công nghiệp.

- Chuyển đổi mạnh khai thác thủy sản ven bờ sang xa bờ. Tiếp tục đầu tư cải hoán, đóng mới phát triển đội tàu đánh bắt xa bờ (trên 90 CV), khuyến khích phát triển tàu cá công suất 400CV trở lên, phấn đấu đến năm 2020 đội tàu đánh bắt xa bờ (trên 90CV) đạt 320 chiếc, trong đó đóng mới 110 chiếc, có trang bị các thiết bị hiện đại; phát triển các nghề mới như chụp mực, chụp cá, nghề lưới rê (trừ nghề lưới rê khai thác cá ngừ), câu khơi, vây ánh sáng.... Nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ hợp tác khai thác thủy sản; khuyến khích phát triển mô hình liên kết giữa khai thác, dịch vụ hậu cần và tiêu thụ sản phẩm. Duy trì hoạt động có hiệu quả khu bảo tồn biển đảo Côn Cỏ.

- Khuyến khích đầu tư xây dựng mới, mở rộng sản xuất, đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cấp các cơ sở chế biến thủy sản hiện có. Phấn đấu đến năm 2020, có 40-50% tổng sản lượng thủy sản được chế biến, trong đó chế biến xuất khẩu 30%. Xây dựng thương hiệu sản phẩm thủy sản Quảng Trị.

- Khuyến khích đầu tư phát triển các cơ sở đóng, sửa chữa tàu cá; sản xuất, dịch vụ ngư lưới cụ, máy móc, thiết bị khai thác, đá lạnh, nhiên liệu... hình thành hạ tầng dịch vụ đồng bộ, phục vụ khai thác, thu mua, chế biến thủy sản; từng bước đầu tư hoàn thiện, nâng cao năng lực quản lý, khai thác các cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão tàu cá; xây dựng đảo Côn Cỏ thành căn cứ hậu cần nghề cá khu vực theo hướng lưỡng dụng. Sớm hình thành các dịch vụ hậu cần nghề cá trên biển.

d) Cơ cấu lại ngành lâm nghiệp

- Đẩy mạnh trồng rừng thâm canh theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm; Thực hiện quản lý rừng bền vững gắn với cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC, PEFC). Xây dựng mô hình chuỗi giá trị liên kết từ trồng đến chế biến tiêu thụ sản phẩm, ưu tiên chế biến sâu, nâng cao giá trị gia tăng. Phát triển thị trường gỗ và sản phẩm từ gỗ rừng trồng.

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng, thực hiện giao đất lâm nghiệp, giao rừng cho người dân quản lý bảo vệ và hưởng lợi. Nâng cao hiệu quả kinh tế trồng rừng theo hướng bền vững, xây dựng vùng cung cấp nguyên liệu tập trung, đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho phát triển công nghiệp chế biến gỗ ván nhân tạo (MDF), gỗ xẻ cho sản xuất hàng hóa tiêu dùng nội địa và xuất khẩu.

- Tăng cường công tác quản lý bảo vệ diện tích rừng phòng hộ, đặc dụng hiện có, thực hiện các giải pháp quản lý rừng bền vững, từng bước nâng cao chất lượng rừng tự nhiên, rừng trồng phòng hộ nhằm bảo đảm mục tiêu an ninh môi

trường, hạn chế xói mòn, lũ lụt.

- Xây dựng các giải pháp kỹ thuật canh tác, xác lập tập đoàn giống cây trồng phục vụ cho trồng rừng phòng hộ và rừng sản xuất theo hướng tăng cây đa tác dụng, đa mục tiêu nhằm nâng cao chất lượng rừng, tăng thu nhập trên đơn vị diện tích rừng trồng, tăng cường khả năng phòng hộ của rừng, góp phần cải thiện và phát triển ổn định môi trường sinh thái.

- Khuyến khích và đẩy mạnh liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh lâm nghiệp, tạo lập mối liên kết giữa người trồng rừng với các doanh nghiệp thu mua, sản xuất, chế biến lâm sản.

- Khuyến khích và kêu gọi các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư phát triển sản xuất lâm nghiệp. Xây dựng và ban hành các cơ chế hưởng lợi, tạo điều kiện cho người dân tham gia trồng rừng, bảo vệ rừng và phát triển sản xuất lâm nghiệp.

Để thực hiện có hiệu quả mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, lĩnh vực lâm nghiệp tập trung thực hiện các chương trình, đề án sau:

- Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững: Các dự án đầu tư, bảo vệ và phát triển rừng; Dự án xây dựng đường lâm nghiệp phục vụ trồng rừng nguyên liệu tập trung và phòng chống cháy rừng; Dự án nâng cao năng lực phòng chống cháy rừng; ...

- Xây dựng mô hình chuỗi giá trị liên kết từ trồng, tiêu thụ đến chế biến sản phẩm. Chọn mô hình quản lý rừng bền vững theo nhóm hộ gia đình (bao gồm cả HTX) để xây dựng mô hình điểm về liên kết chuỗi làm cơ sở nhân rộng mô hình trên địa bàn toàn tỉnh.

6. Tiếp tục đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp

- Đổi mới mô hình hoạt động của các HTX nông nghiệp, dịch vụ nông nghiệp theo hướng HTX làm nhiệm vụ cung cấp các dịch vụ đầu vào và dịch vụ đầu ra, các khâu của quá trình sản xuất, hỗ trợ cho kinh tế hộ phát triển. Chú trọng phát triển các loại hình kinh tế hợp tác hoạt động sản xuất chuyên ngành gắn với cung ứng dịch vụ theo chuỗi giá trị sản phẩm từ cung cấp dịch vụ đầu vào đến chế biến và kết nối thị trường, hỗ trợ tín dụng nội bộ cho các thành viên theo mô hình HTX kiểu mới.

- Cổ phần hóa đối với các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp. Tổ chức lại công tác quản lý tàu cá, quản lý cường lực khai thác, nghề khai thác, mùa vụ khai thác, ngư trường khai thác phù hợp với khả năng cho phép khai thác của nguồn lợi hải sản đối với từng vùng biển. Đẩy mạnh việc phân cấp quản lý tàu cá khai thác vùng biển ven bờ cho chính quyền địa phương nhằm tăng hiệu quả, hiệu lực quản lý sát với thực tế, bảo đảm duy trì và tái tạo nhất triển nguồn lợi hải sản ven bờ.

- Xây dựng một số mô hình điểm kinh tế hợp tác theo chuỗi giá trị ngành hàng, gắn sản xuất với tiêu thụ nhằm tạo đà thu hút các loại hình kinh tế khác cùng tham gia; tập trung vào các sản phẩm mà địa phương có lợi thế như: Hồ tiêu, lúa gạo, lợn, bò, thủy hải sản....

- Quy hoạch, hỗ trợ hình thành vùng sản xuất nông nghiệp tập trung cho nhóm cây, con chủ lực của tỉnh ứng dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến, tưới tiên tiến tiết kiệm gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, hỗ trợ hợp tác xã phát triển kết cấu hạ tầng... theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 923/QĐ- TTg ngày 28/6/2017.

- Thúc đẩy liên kết “4 nhà” tăng cường vai trò của các ngân hàng, quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân... trong cung ứng vốn cho sản xuất nông nghiệp. Trong đó chú trọng việc hỗ trợ cấp bù lãi suất tiền vay cho người dân theo Quyết định 21/2015/QĐ- UBND ngày 14/9/2015 của UBND tỉnh và các chính sách hiện hành khác...

- Nhân rộng mô hình các HTX, THT, các liên kết hiệu quả trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Phát triển các hình thức liên kết giữa doanh nghiệp với nông dân và tổ chức đại diện của nông dân, trong đó đề cao vai trò của doanh nghiệp trong việc kết nối giữa sản xuất với thị trường.

7. Tổ chức thị trường, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm sản xuất nông nghiệp

- Hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, ứng dụng khoa học công nghệ; xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý các sản phẩm sản xuất tại địa phương; hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX, người dân tiếp cận thông tin về thị trường, các quy định về tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm để định hướng sản xuất.

- Tiếp tục đầu tư, hoàn thiện hạ tầng mạng lưới chợ, siêu thị, các cụm, điểm thương mại theo quy hoạch, phục vụ nhu cầu tiêu dùng tại chỗ và phát luồng đi các tỉnh, thành trong nước; chú trọng phát triển các chợ đầu mối nông, hải sản, các điểm bán sản phẩm sạch, sản phẩm địa phương phục vụ khách du lịch trên các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ.

- Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư xây dựng các cơ sở sơ chế, bảo quản nông sản cho người sản xuất, hình thành kho dự trữ hàng hóa tập trung tạo thuận lợi cho người dân trong thế chấp vay vốn, lựa chọn thời điểm phù hợp để tiêu thụ, tạo nguồn hàng số lượng lớn, chất lượng đồng nhất tăng lợi thế trong tiêu thụ.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện các dự án đầu tư về các lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư như: Xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung; xây dựng cơ sở chăn nuôi gia súc; xây dựng cơ sở sấy lúa, ngô, khoai sắn, chế biến cà phê; xây dựng cơ sở chế tạo thiết bị cơ khí bảo quản, chế biến nông sản...theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định 923/QĐ- TTg ngày 28/6/2017.

8. Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020. Phát huy tối đa vai trò chủ thể của người dân, tạo điều kiện để nhân dân tự nguyện, chủ động, sáng tạo tham gia xây dựng nông thôn mới. Nâng cao chất lượng và duy trì thường xuyên, liên tục các phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới gắn với các hoạt động cụ thể, thiết thực; kịp thời biểu dương, vinh danh những tập thể, cá nhân có cách làm hay, sáng tạo và đóng góp thiết thực trong xây dựng nông thôn mới.

- Rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch, đề án xây dựng nông thôn mới các xã; quy hoạch sản xuất nông nghiệp, vùng sản xuất hàng hóa tập trung phù hợp với tái cơ cấu nền nông nghiệp, quy hoạch kinh tế xã hội của vùng, tỉnh, huyện, xã. Tăng cường công tác quản lý quy hoạch; triển khai quy hoạch huyện nông thôn mới gắn với đô thị hóa.

- Kiện toàn, củng cố, nâng cao năng lực hoạt động của Bộ máy Ban chỉ đạo và bộ phận giúp việc ban chỉ đạo các cấp từ tỉnh đến xã. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các thành viên BCD các cấp trong chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, theo dõi tình hình thực hiện của các địa phương.

- Xây dựng kế hoạch, giải pháp chỉ đạo cụ thể đối với các xã phấn đấu đạt chuẩn theo lộ trình hằng năm, các xã có số tiêu chí đạt còn thấp và các huyện đăng ký đạt chuẩn NTM giai đoạn 2016-2020. Ưu tiên hỗ trợ nguồn lực cho các xã đăng ký đạt chuẩn theo kế hoạch hằng năm và các xã có số tiêu chí đạt thấp (dưới 10 tiêu chí).

- Huy động các nguồn vốn đầu tư kết cấu hạ tầng thiết yếu khu vực nông thôn, nhất là hạ tầng giao thông, thủy lợi phục vụ sản xuất, nước sinh hoạt. Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn Trung ương hỗ trợ hàng năm cho phát triển sản xuất để xây dựng và nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế hộ gia đình, giảm nghèo bền vững.

- Đẩy mạnh thực hiện phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới; thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 02/03/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh". Bảo vệ, khai thác và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; hình thành và phát triển các giá trị, văn hóa ứng xử văn minh trong cộng đồng nông thôn; nâng cao chất lượng gia đình, thôn, làng văn hóa. Đầu tư hoàn thiện và nâng cao hiệu quả sử dụng các thiết chế văn hóa cơ sở.

- Nâng cao chất lượng dạy và học, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đẩy mạnh xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Nâng cao chất lượng

khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm. Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế cho người dân nông thôn, xây dựng trạm y tế đạt chuẩn. Tập trung giải quyết các vấn đề bức xúc về môi trường, ban hành quy chế và tăng cường công tác quản lý, xây dựng nghĩa trang theo quy hoạch; xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn ngày càng xanh - sạch - đẹp.

- Cùng cố, kiện toàn tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị ở các xã. Giữ vững an ninh, trật tự xã hội, đẩy mạnh phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” ở nông thôn. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức các xã, công chức làm công tác xây dựng nông thôn mới.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong việc vận động, tổ chức cho đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới. Tăng cường vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát của cộng đồng dân cư đối với hoạt động tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Kiểm điểm, xử lý nghiêm trách nhiệm cá nhân người đứng đầu nếu không hoàn thành các mục tiêu, tiêu chí nông thôn mới theo tiến độ đề ra, để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản sai quy định.

9. Huy động các nguồn lực thực hiện cơ cấu lại nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới

- Hàng năm ưu tiên bố trí từ ngân sách địa phương thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Lồng ghép, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các chương trình, dự án khác cho mục tiêu cơ cấu lại nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng các nguồn vốn đảm bảo đầu tư, sử dụng đúng mục đích, phát huy hiệu quả.

- Tăng cường áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù trong xây dựng nông thôn mới để tiết kiệm chi phí và các hình thức hợp tác công tư, xã hội hóa, khuyến khích, có chính sách hỗ trợ, thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư vào phát triển nông nghiệp, nông thôn.

10. Xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn thích ứng với biến đổi khí hậu

- Tiếp tục đầu tư xây dựng mới, nâng cấp hệ thống hồ chứa, kênh mương, công trình trên kênh để tăng tỷ lệ diện tích được cấp nước, khả năng tiêu thoát của hệ thống. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác hệ thống công trình thủy lợi. Nâng cấp, cải tạo kết cấu hạ tầng thủy lợi, giao thông nội đồng gắn với thực hiện dồn điền, đổi thửa, xây dựng cánh đồng lớn.

- Phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản. Xây dựng các hệ thống dẫn nước để cung cấp nước cho nông nghiệp và thủy sản ở vùng

ven biển. Áp dụng các giải pháp tưới tiên tiến và tiết kiệm nước.

- Nâng cao năng lực dự báo, phòng chống thiên tai. Tăng cường quản lý nhà nước về an toàn đập. Xây dựng kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai và kế hoạch quản lý lũ tổng hợp cho các lưu vực sông.

11. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp, nông thôn

- Huy động các nguồn lực, lồng ghép các chương trình dự án để đẩy mạnh công tác đào tạo, nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu phát triển ngành Nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

- Lồng ghép, tranh thủ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án trên địa bàn để đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Chú trọng lựa chọn ngành nghề đào tạo phù hợp nhu cầu thực tế, gắn đào tạo với tiếp nhận, chuyển giao công nghệ mới, chuyển giao kỹ thuật và quy trình sản xuất mới, chuyển đổi nghề nghiệp và đào tạo lại nghề cho người dân bị sự cố môi trường biển do Công ty TNHH Hưng Nghiệp Fomosa gây ra gắn với phát triển, ổn định sinh kế lâu dài cho người dân.

- Tiếp tục phát huy hiệu quả đầu tư các hoạt động hỗ trợ xây dựng nông thôn mới do Chương trình Hạnh phúc (KOICA) triển khai, vận động KOICA hỗ trợ triển khai trung tâm đào tạo nhân lực xây dựng nông thôn mới.

12. Hỗ trợ ổn định đời sống dân cư

Sắp xếp, ổn định đời sống cho các hộ dân tại các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, các hộ sau tái định cư công trình thủy lợi, thủy điện; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân; thực hiện các giải pháp phát triển sản xuất cho các hộ; bố trí sắp xếp dân cư cho người đồng bào dân tộc.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và chính quyền địa phương triển khai các nội dung trong chương trình hành động của UBND tỉnh, trình UBND tỉnh những vấn đề cần có sự phối hợp liên ngành.

Xây dựng các chương trình, dự án, kế hoạch 5 năm và hàng năm cụ thể theo từng lĩnh vực theo định hướng của CTHĐ, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, giao nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện.

Căn cứ vào nội dung cơ chế chính sách hỗ trợ, ngành Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các Sở, ngành liên quan thống nhất tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua các Đề án, Dự án, Kế hoạch trọng điểm, ưu tiên để triển khai thực hiện.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tham mưu bố trí vốn ngân sách Nhà nước cho việc thực hiện các nhiệm vụ CTHĐ. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thu hút, lồng ghép nguồn vốn, bố trí các nguồn lực từ ngân sách nhà nước để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn phục vụ sản xuất, nhiệm vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT căn cứ khả năng ngân sách hàng năm, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thuộc lĩnh vực chỉ thường xuyên để thực hiện CTHĐ. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung các chế độ, chính sách tạo điều kiện ngành nông nghiệp phát triển, tăng thu nhập cho người dân.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách có liên quan tới tăng cường năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ và tiến bộ kỹ thuật, xã hội hóa nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ, hỗ trợ ngành nông nghiệp thực hiện CTHĐ.

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các Sở, ngành có liên quan hướng dẫn, hỗ trợ đẩy mạnh thực hiện việc xây dựng và phát triển thương hiệu, chỉ dẫn địa lý đối với các sản phẩm hàng hoá nông sản thế mạnh trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao giá trị, tăng sức cạnh tranh các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh.

5. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các Sở, ngành có liên quan nghiên cứu các chính sách thương mại, các hàng rào kỹ thuật tạo thuận lợi thúc đẩy xuất khẩu các ngành hàng chiến lược của tỉnh. Hỗ trợ quảng bá sản phẩm hàng hoá thế mạnh của tỉnh; khuyến khích, hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản gắn với thị trường tiêu thụ ổn định. Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia đẩy mạnh tiêu thụ nông sản từ các chương trình, dự án quy mô lớn, công nghệ cao.

Kiểm soát chặt chẽ, xử lý nghiêm hoạt động buôn lậu và gian lận trong thương mại hàng hoá nông, lâm, thủy sản.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

Rà soát, kiểm soát chặt chẽ quy hoạch và quản lý, thực hiện quy hoạch sử dụng đất và đề xuất các chính sách liên quan đến đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học theo hướng tạo thuận lợi cho nông nghiệp, nông thôn phát triển bền vững.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì việc hướng dẫn các cơ quan báo chí, cơ quan thông tin đại chúng

trên địa bàn tuyên truyền sâu rộng mục đích, ý nghĩa và sự cần thiết của Chương trình hành động.

Hướng dẫn cơ quan báo chí, truyền thông chú trọng việc xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, phỏng vấn, tăng cường sản xuất các phóng sự...tuyên truyền sâu rộng về Chương trình hành động; tăng thời lượng phát sóng, mở thêm chuyên mục mới để đưa những nội dung liên quan đến Chương trình hành động tới từng cộng đồng dân cư, chính quyền các cấp và các tổ chức đoàn thể.

8. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Quảng Trị

Chỉ đạo các ngân hàng thương mại trên địa bàn tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân vay vốn phục vụ phát triển sản xuất. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, nghiên cứu cơ chế chính sách tín dụng hỗ trợ.

9. Các Sở, ban ngành liên quan

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, tạo điều kiện cho các địa phương, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân triển khai thực hiện các nội dung của CTHĐ.

Thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo thẩm quyền được giao; phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT trong tổ chức thực hiện đề án; tham mưu cho UBND tỉnh về những vấn đề liên quan lĩnh vực ngành của mình quản lý, giải quyết các vướng mắc để thực hiện CTHĐ có hiệu quả.

Tăng cường mở rộng hợp tác quốc tế để chia sẻ thông tin, kinh nghiệm; đồng thời tranh thủ sự trợ giúp về kỹ thuật và nguồn lực.

10. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

Căn cứ vào nội dung CTHĐ xây dựng nội dung triển khai định hướng dài hạn đến 2025 cho ngành hàng chiến lược của tỉnh ở địa phương mình.

Triển khai rà soát, điều chỉnh quy hoạch, cơ cấu sản xuất theo định hướng của CTHĐ của tỉnh, đảm bảo phát triển nông nghiệp theo lợi thế địa phương.

Tăng cường phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các Sở, ngành trong chỉ đạo phát triển sản xuất. Vận dụng linh hoạt cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư phù hợp tiềm năng, lợi thế và nhu cầu địa phương để thu hút cho phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

11. Các doanh nghiệp, đơn vị sản xuất kinh doanh lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn

Tăng cường tìm kiếm các thị trường nông sản trong và ngoài nước bền vững, đồng thời tổ chức ký kết hợp đồng cung ứng và thu mua sản phẩm nông sản cho bà con nông dân, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp và người nông dân.

Duy trì sự kết nối với các nhà quản lý, các nhà khoa học để có những hỗ trợ kịp thời trong quá trình tham gia sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

Thực hiện có hiệu quả các chủ trương chính sách của nhà nước và nội dung

tái cơ cấu của đề án. Đẩy mạnh đẩy mạnh liên doanh, liên kết trong sản xuất từ cung ứng các dịch vụ đầu vào đến thu mua chế biến và tiêu thụ sản phẩm; đầu tư đổi mới quy trình sản xuất, công nghệ và thiết bị để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và sử dụng tài nguyên.

12. Các Hợp tác xã nông nghiệp, nông thôn

Tiếp tục công tác tuyên truyền vận động thành viên thực hiện có hiệu quả việc tổ chức lại sản xuất theo hướng tập trung bền vững, có khả năng cạnh tranh trên cơ sở hợp đồng, hợp tác.

Đẩy mạnh công tác đồn điền đổi thửa, ứng dụng khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa vào sản xuất; quản lý và kiểm soát tốt các khâu dịch vụ, sản xuất đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, sản xuất theo tiêu chuẩn GAP.

Đổi mới kế hoạch sản xuất, kinh doanh và ngành nghề dịch vụ theo hướng liên doanh liên kết gắn sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt chú trọng đối với các loại sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh của địa phương theo định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận TQVN tỉnh, các đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội của tỉnh phối hợp chặt chẽ với chính quyền, các ngành thống nhất nhận thức trong tổ chức, vận động doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, nhân dân tích cực tham gia; tăng cường giám sát quá trình thực hiện.

Định kỳ hàng quý (trước ngày 10 của tháng cuối quý), các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã báo cáo kết quả triển khai thực hiện Chương trình hành động về UBND tỉnh (Qua Sở Nông nghiệp và PTNT và Văn phòng UBND tỉnh). Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, đánh giá kết quả triển khai thực hiện các nội dung CTHĐ, báo cáo UBND tỉnh biết để chỉ đạo thực hiện. /*Đ*

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các CQ chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, TP, TX;
- CVP, các PVP, CV;
- Lưu: VT, NNp.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH** /*Đ*



Nguyễn Đức Chính



Phụ lục: Danh mục các nhiệm vụ chủ yếu

Thực hiện Nghị quyết số 04 - NQ/TU ngày 20/4/2017 của Tỉnh ủy

về đẩy mạnh công tác cải tạo nông nghiệp gắn với thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến 2025

Kiểm theo Chương trình hành động số: 6CS3 /CTHD-UBND ngày 31/11/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Trình - Báo cáo UBND tỉnh	Trình Ban TVTU	Trình HĐND	Ghi chú
I	Đẩy mạnh tuyên truyền nhằm thống nhất nhận thức và quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết							
I	Phổ biến, quán triệt NQ	Cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã		Quý IV/2017				
2	Tuyên truyền NQ	Sở Thông tin và Truyền thông, Đài PT/TH tỉnh, Báo Quảng Trị	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TP, TX	Quý IV/2017				
II	Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về nông nghiệp							

1	Rà soát, bổ sung, điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2020	Sơ Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TP, TX	Từ năm 2019	Trình phê duyệt		x	
2	Rà soát, hoàn thiện quy hoạch phát triển từng cây trồng, vật nuôi chủ lực, vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa trên phạm vi toàn tỉnh và từng địa phương đến năm 2020, tầm nhìn 2025	Sơ Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TP, TX	Năm 2019	Trình phê duyệt		x	
3	Rà soát, bổ sung quy hoạch phát triển thủy lợi	Sơ Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TP, TX	Năm 2018	Trình phê duyệt		x	
4	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã và Quy hoạch huyện nông thôn mới	Sơ Xây dựng	UBND các huyện, TX	Năm 2018	Trình phê duyệt		x	
5	Rà soát sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp của ngành nông nghiệp theo hướng cổ phần hóa, giao quyền tự chủ về tài chính, tổ chức, biên chế và hoạt động.	Sơ Tài chính	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TP, TX	Quý IV/2017- Năm 2018	Trình phê duyệt			
6	Quy hoạch cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	Sơ Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TP, TX	Quý IV/2017	Trình phê duyệt			
7	Quy hoạch khu và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Quảng Trị đến năm	Sơ Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TP, TX	Từ năm 2018	Trình phê duyệt		x	

	2020, định hướng đến năm 2030							
III	Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn							
1	Ban hành chính sách phù hợp để khuyến khích tích tụ, tập trung ruộng đất nhằm đẩy mạnh liên kết sản xuất theo hướng hàng hoá, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TP, TX	Năm 2018	Trình phê duyệt		x	
2	Ban hành chính sách đặc thù của tỉnh để khuyến khích thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp	Sở KH-ĐT	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TP, TX	Năm 2018	Trình phê duyệt		x	
3	Ban hành chính sách phù hợp để khuyến khích các tổ chức, cá nhân nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học - công nghệ và các quy trình sản xuất tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TP, TX	Năm 2018	Trình phê duyệt		x	
4	Xây dựng chính sách khuyến khích, hỗ trợ hộ sản xuất, kinh doanh cá thể phát triển thành hợp tác xã, doanh nghiệp	Sở KH-ĐT	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TP, TX	Năm 2018	Trình phê duyệt		x	
IV	Các chương trình, đề án							
1	Thực hiện Đề án hỗ trợ phát triển một số cây trồng, vật	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các	Từ năm 2017				Đã được UBND tỉnh

	nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2025		huyện. TP. TX					thông qua NQ số 03/2
2	Thực hiện Đề án Kien toan mang lroi Khuyen nông và thú y cơ sở tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các huyện. TP. TX	Từ năm 2017				Đã được UBND tư thông qua NQ số 04/2
3	Đề án phát triển vùng nguyên liệu Dừa phục vụ chế biến, thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020 (Hợp tác giữa UBND tỉnh Quảng Trị và Công ty CP TPXK Đồng Giao)	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TP, TX	Từ năm 2017				UBND tỉnh đuyệt tại Q định số 952/QĐ-UI ngày 09/5/2
4	Dự án phát triển trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản phục vụ tái cơ cấu sản xuất nông lâm nghiệp (giai đoạn 1 bắt đầu từ năm 2016)	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TP, TX	Từ năm 2017				Quyết đị 398/QĐ-UI ngày 03/3/2 của UBND
5	Đề án tái canh và phát triển bền vững cây cà phê chè trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020, có tính đến năm 2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TP, TX	Từ năm 2017				Quyết đị 837/QĐ/UI ngày 24/4/2 của UBND
6	Kế hoạch chuyển đổi trồng Ngô trên đất lúa	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TP, TX	Từ năm 2017				Quyết đị 230/QĐ-UI ngày 10 t 02 năm 2 của UBND

7	Đề án phát triển sản xuất vùng nguyên liệu hồ tiêu gắn với chứng nhận tiêu chuẩn hữu cơ	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TP, TX	Năm 2018	Trình phê duyệt		x	
8	Triển khai có hiệu quả các Chương trình hợp tác, thu hút đầu tư cấp tỉnh và Trung ương							
8.1	Dự án hợp tác với Công ty TM Đại Nam Nhà máy sản xuất phân bón Ông biển xây dựng và phát triển chuỗi giá trị gạo hữu cơ thương hiệu Quảng Trị	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thành phố, thị xã Các Sở, ban ngành có liên quan	2017 – 2020				
8.2	Dự án hợp tác với Tập đoàn Sumitomo xây dựng thí điểm mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao theo công nghệ Nhật Bản	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện Gio Linh Các Sở, ban ngành có liên quan	2017 2019				
8.3	Xây dựng và mở rộng vùng sản xuất Lúa chất lượng cao mang thương hiệu Gạo Quảng Trị gắn với chứng nhận tiêu chuẩn đảm bảo VSATTP	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TP, TX	Năm 2018	Trình phê duyệt		x	
9	Đề án chuyển đổi sinh kế, tạo việc làm, ổn định đời sống và phát triển sản xuất cho ngư dân vùng biển	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TP, TX	Từ năm 2017				Quyết định 2285/Đ-UBND ngày 30/5/2017 UBND tỉnh
10	Đề án quy hoạch, chỉnh sách phát triển trang trại chăn nuôi tập trung trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TP, TX	Từ năm 2018	Trình phê duyệt		x	

	Quảng Trị giai đoạn 2017-2020						
11	Dự án đóng mới, nâng cấp tàu cá	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TP, TX	Năm 2018	Trình phê duyệt		x
12	Dự án Phát triển CSHT các vùng nuôi thủy sản tập trung tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TP, TX				
13	Dự án khu neo đậu tránh trú bão Cửa Tùng	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TP, TX				
14	Dự án khu chế biến tập trung Bắc, Nam Cửa Việt	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TP, TX				
15	Nâng cấp mở rộng khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá Cồn Cỏ lên cấp vùng	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TP, TX				
16	Mở rộng cảng cá Cửa Việt lên thành cảng cá loại I	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TP, TX				
17	Dự án khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá bắc Cửa Việt	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TP, TX				
18	Dự án các khu bảo tồn vùng nước nội địa	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TP, TX				
19	Các dự án đầu tư, bảo vệ và phát triển rừng	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TP, TX		Trình phê duyệt		

20	Dự án xây dựng đường lâm nghiệp phục vụ trồng rừng nguyên liệu tập trung và phòng chống cháy rừng	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các huyện. TP, TX		Trình phê duyệt			
21	Dự án nâng cao năng lực phòng chống cháy rừng	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các huyện. TP, TX		Trình phê duyệt			
22	Xây dựng mô hình chuỗi giá trị liên kết từ trồng, tiêu thụ đến chế biến sản phẩm	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các huyện. TP, TX		Trình phê duyệt			
23	Rà soát Quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các huyện. TP, TX	Từ năm 2018	Trình phê duyệt			
24	Đề án Phát triển kinh tế trang trại, gia trại tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017- 2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các huyện. TP, TX	2018	Trình phê duyệt			
25	Xây dựng chính sách hỗ trợ đổi mới tổ chức sản xuất và xây dựng HTX nông nghiệp kiểu mới	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các huyện. TP, TX	2017	Trình phê duyệt			
26	Xây dựng chính sách hỗ trợ các mô hình liên kết trong sản xuất (sửa đổi, bổ sung QĐ 32/2016/QĐ- UBND ngày 15/8/2016 của UBND tỉnh)	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các huyện. TP, TX	2018	Trình phê duyệt			
27	Đề án xây dựng nông thôn mới đến năm 2020 trình UBND tỉnh ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 02/2014/NQ-HĐND ngày 25/4/2014 về huy động các	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, MTTQ VN tỉnh, các đoàn thể : UBND các huyện, TX	Quý IV/2017				(UBND tỉnh có CV 3940/UBND TH ngày 09/8/20

	nguồn lực và định mức hỗ trợ trong xây dựng NTM						
28	Thực hiện Đề án chương trình kiên cố hóa kênh mương giai đoạn 2016-2020, có tính đến 2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TP, TX	Từ năm 2017			Đã được HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết số 27/2017
29	Dự án Đầu tư củng cố, nâng cấp sửa chữa đê biển, đê cửa sông tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 - 2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TP, TX				
30	Dự án: Hệ thống tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp tỉnh Quảng Trị	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TP, TX				
31	Tiếp tục thực hiện dự án Nâng cao an toàn đập (WB8) giai đoạn 2015-2021; dự án Dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2014-2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TP, TX				
V	Tổ chức thị trường, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm sản xuất nông nghiệp						
1	Hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, ứng dụng khoa học công nghệ	Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và PTNT, MTTQVN, Các Tổ chức đoàn thể, UBND các huyện, TP, TX	Từ năm 2017	Trình phê duyệt		
2	Xây dựng thương hiệu, chỉ	Sở Khoa học và	Sở Nông	Từ năm	Trình phê duyệt		

	đãn địa lý các sản phẩm sản xuất tại địa phương	Công nghệ, Sở Công Thương	ngành và PTNT, MTTQVN, Các Tổ chức đoàn thể, UBND các huyện, TP, TX	2017				
3	Hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX, người dân tiếp cận thông tin về thị trường, các quy định về tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm để định hướng sản xuất	Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và PTNT, MTTQVN, Các Tổ chức đoàn thể, UBND các huyện, TP, TX	Từ năm 2017	Trình phê duyệt			
4	Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư xây dựng các cơ sở chế, biến sản phẩm nông sản cho người sản xuất	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và PTNT, MTTQVN, Các Tổ chức đoàn thể, UBND các huyện, TP, TX	Từ năm 2017	Trình phê duyệt			
VI	Huy động các nguồn lực thực hiện cơ cấu lại nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới							
1	Bổ trợ, lồng ghép, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn CTMTQG XIDNTM với CTMTQG giảm nghèo bền vững và các chương trình, dự án khác cho mục tiêu cơ cấu lại nông	Sở KH-ĐT	Sở Nông nghiệp và PTNT, MTTQVN, Các Tổ chức đoàn thể.	Từ năm 2017	Trình phê duyệt			

	nghiep và xây dựng nông thôn mới.		UBND các huyện, TP, TX					
VII	Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp, nông thôn							
1	Dạy mạnh công tác đào tạo, nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ	Sở Nội vụ	Sở Nông nghiệp và PTNT, MTTQVN, Các Tổ chức đoàn thể, UBND các huyện, TP, TX	Từ năm 2017	Trình phê duyệt			
2	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn	Sở Lao động - Thương binh và xã hội	Sở Nông nghiệp và PTNT, MTTQVN, Các Tổ chức đoàn thể, UBND các huyện, TP, TX	Từ năm 2017	Trình phê duyệt			
VIII	Hỗ trợ ổn định đời sống dân cư							
1	Sắp xếp, ổn định đời sống cho các hộ dân tại các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, các hộ sau tái định cư công trình thủy lợi, thủy điện	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các huyện, TP, TX	Từ năm 2017	Trình phê duyệt			